

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HS-ST.

Ngày: 09-5-2023.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Sâm Châu.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Trần Tuấn A**, sinh năm 1993 tại Ninh Bình;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông;

Nơi sinh sống: Tổ 73, Khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Có vợ Nguyễn Thị Bích N và 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 09/2023/HS-ST ngày 17/01/2023 (chưa chấp hành án).

Bị bắt tạm giữ theo quyết định truy nã từ ngày 12/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (có mặt).

**2. Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994 tại Hải Dương;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

Nơi sinh sống: Khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N và bà Triệu Thị H; Gia

đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ theo quyết định truy nã từ ngày 11/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 3, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Triệu Thị H, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 24/7/2021, Trần Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số 60B8-898.61 của Nguyễn Văn T chở T ngồi phía sau đi từ phòng trọ của Tuấn A ở phường AB, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến khu vực chợ V, thuộc khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai để tìm gặp người quen. Khi đến thị trấn L, Tuấn A rủ T trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. Tuấn A chở T đến ngã tư chợ V thì Tuấn A nhìn thấy chị Nguyễn Thị L dựng xe mô tô biển số 60C1-063.59 ở lề đường để vào mua đồ ăn. Chị L có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus ở học đựng đồ phía trước xe mô tô rồi đi vào quán. Lúc này, Tuấn A điều khiển xe quay lại dừng ở vị trí cách xe của chị L khoảng 01 mét, Tuấn A vặn máy xe nổ và bước xuống xe, đồng thời lúc này, T di chuyển người từ vị trí yên xe phía sau lên vị trí cầm lái chờ sẵn. Tuấn A đi đến trộm cắp chiếc điện thoại của chị L bỏ vào túi quần rồi ngồi lên yên xe phía sau xe mô tô để T tăng ga bỏ chạy. Sau đó, T và Tuấn A đi đến khu vực ngã ba T, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán điện thoại cho một người không rõ nhân thân, lai lịch với giá 3.000.000 đồng. Số tiền này, Tuấn A giữ chưa chia lại cho T.

Ngày 25/7/2021, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 60B8-898.61 chở Tuấn A đến thị trấn L thì bị Công an thị trấn L phát hiện mời về trụ sở làm việc. Tại Công an thị trấn L, Tuấn A và T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản nên Công an thị trấn L lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan điều tra Công an huyện L điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 116/KL-HĐĐGTS ngày 21/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu trắng loại 64Gb trị giá 6.250.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đen (đã qua sử dụng) biển số 60B8-898.61.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen (đã qua sử dụng).

+ Số tiền 960.000 đồng;

+ 01 đĩa CD chứa dữ liệu liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra, Tuấn A bỏ trốn và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và quyết định truy nã đối với Tuấn A. Đối với bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội cùng với Tuấn A. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo T đều trình bày bị cáo điều khiển xe mô tô của bị cáo chở Tuấn A đến khu vực chợ V, thuộc khu V, thị trấn L, huyện L để tìm người quen. Khi đi ngang khu vực chợ V thuộc khu V, thị trấn L thì Tuấn A kêu T quay xe lại để vào trộm cắp điện thoại của bị hại. T điều khiển xe quay lại nổ máy xe chờ sẵn còn Tuấn A xuống xe đi đến trộm cắp điện thoại của bị hại bỏ vào túi quần rồi lên xe mô tô của T bỏ chạy. Sau đó, T và Tuấn A đi đến khu vực ngã ba T, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán điện thoại cho một người không rõ lai lịch với giá 3.000.000 đồng, số tiền này Tuấn A giữ chưa chia lại cho T.

Ngày 31/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành ban hành Cáo trạng số 165/CT-VKS-LT ngày 31 tháng 8 năm 2022 truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết.

Ngày 27/9/2022 và ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm nhưng bị cáo T bỏ trốn và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành ra Quyết định truy nã theo yêu cầu của Tòa án.

Đến ngày 12/12/2022, Tuấn A bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bắt giữ theo quyết định truy nã và ngày 11/01/2023 thì T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bắt giữ theo quyết định truy nã.

Ngày 13/01/2023 và ngày 31/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa bị cáo T thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi đồng phạm trộm cắp tài sản với Tuấn A. Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKS-LT ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Tuấn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được tại hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo T chỉ thừa nhận bị cáo Tuấn A có chở bị cáo đến thị trấn L, huyện L để tìm người quen, Tuấn A không có bàn bạc gì với bị cáo về việc tìm kiếm tài sản để trộm cắp như Tuấn A trình bày. Khi Tuấn A chở bị cáo đi ngang khu vực chợ V thuộc khu V, thị trấn L, huyện L thì Tuấn A tự quay xe lại để vào trộm cắp điện thoại của bị hại, bị cáo cho rằng không biết Tuấn A lấy trộm điện thoại của bị hại. Sau khi lấy được điện thoại, Tuấn A lên xe kêu bị cáo chạy đến khu vực ngã ba T, huyện T, tỉnh Đồng Nai rồi Tuấn A vào bán điện thoại. Sau khi bán điện thoại thì Tuấn A mới nói lại cho bị cáo nghe là đã bán điện thoại nhưng bị cáo không biết bán điện thoại của ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án trả lại cho bà Triệu Thị H 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 60B8-898.61 (số khung RLHJF6307FZ171589, số máy JF63E1525698), trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max và số tiền 960.000 đồng của T không liên quan đến vụ án. Riêng 01 đĩa CD lưu giữ dữ liệu chứng cứ đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Tuấn A đã bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng, chị L không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo T cho rằng trong quá trình điều tra, bị cáo bị ép cung, nhục hình nhưng trong suốt quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn A khai nhận: Vào khoảng 08 giờ 20 phút ngày 24/7/2021, tại khu vực chợ V, thuộc khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, cư trú: ấp 3, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu trắng loại 64Gb trị giá 6.250.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T không thừa nhận hành vi đồng phạm trộm cắp tài sản với bị cáo Trần Tuấn A, bị cáo chỉ thừa nhận việc Tuấn A có điều khiển xe mô tô biển số 60B8-898.61 của bị cáo chở bị cáo đến thị trấn L, huyện L để tìm người quen. Khi đi ngang khu vực chợ V thuộc khu V, thị trấn L thì Tuấn A tự quay xe lại để vào trộm cắp điện thoại của bị hại, bị cáo cho rằng không biết Tuấn A lấy trộm điện thoại của

bị hại. Sau khi Tuấn A lấy trộm điện thoại lên xe kêu bị cáo chở Tuấn A đến khu vực ngã ba T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Tuấn A vào bán điện thoại khi trở ra mới nói với bị cáo là đã bán điện thoại nhưng bị cáo không biết Tuấn A bán điện thoại của ai. Bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra, điều tra viên đã ép cung, nhục hình đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Tuấn A thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và cho rằng khi phát hiện điện thoại trên hộc xe mô tô của bị hại thì Tuấn A có nói với bị cáo T vào trộm cắp thì T đồng ý nên Tuấn A quay xe lại để trộm cắp điện thoại, khi Tuấn A xuống xe đi vào trộm cắp tài sản, T đã di chuyển từ yên phía sau lên phía trên vị trí lái, để máy xe chờ sẵn và đồng thời cảnh giới cho Tuấn A lấy trộm tài sản, phù hợp với dữ liệu Camera ghi lại quá trình phạm tội.

Đối với ý kiến của bị cáo T cho rằng bị ép cung, nhục hình, Tòa án đã triệu tập điều tra viên được phân công điều tra vụ án là ông Nguyễn Quốc V đến phiên tòa ngày 31/01/2023. Tại phiên tòa, điều tra viên cho rằng bị cáo T trình bày bị ép cung, nhục hình trong quá trình điều tra là không có căn cứ, điều tra viên đã thực hiện đúng quy định trong quá trình điều tra vụ án.

Xét thấy, các lời khai của bị cáo T từ giai đoạn điều tra, truy tố đều thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của đồng phạm, dữ liệu camera cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo cho rằng bị ép cung, nhục hình, điều tra viên không đồng ý với lời khai của bị cáo và cho rằng đã thực hiện đúng quy định, bị cáo không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Mặt khác, bị cáo được tại ngoại điều tra, truy tố nhưng trong suốt quá trình điều tra, truy tố đều không có ý kiến gì đối với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, lời khai của bị cáo về việc bị ép cung, nhục hình là không có căn cứ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng hưởng thụ, lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu của bản thân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Sau khi phạm tội, bị cáo Tuấn A lợi dụng sơ hở của Công an thị trấn Long Thành đã bỏ trốn, bị cáo T được cho tại ngoại cấm đi khỏi nơi cư trú, đang trong thời gian chuẩn bị xét xử nhưng bị cáo lại bỏ trốn gây khó khăn cho công tác xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành phải ra quyết định truy nã mới bắt được các bị cáo ngày 12/12/2022 (bắt bị cáo Tuấn A) và ngày 11/01/2023 (bắt bị cáo T).

Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Tuấn A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa ngày 13/01/2023 bị hại có ý kiến xin bãi nại cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, trong đó bị cáo Tuấn A là người phát hiện tài sản và đề xuất bị cáo T quay lại trộm cắp tài sản. Thời điểm phạm tội bị cáo Tuấn A đang bị khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” được cho tại ngoại nhưng vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo T mặc dù không thừa nhận hành vi đồng phạm với bị cáo Tuấn A nhưng có căn cứ xác định khi được Tuấn A rủ trộm cắp tài sản thì bị cáo đồng ý và khi Tuấn A vào trộm cắp thì bị cáo di chuyển từ vị trí yên sau lên vị trí lái và để máy xe cảnh giới và chờ sẵn chờ Tuấn A đi sau khi lấy được tài sản. Như vậy, bị cáo Tuấn A phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo T.

Đối với bị cáo Tuấn A: Ngày 17/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 26/5/2021 đến ngày 03/6/2021, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 17-01-2023. Bị cáo chưa chấp hành bản án nên cần được tổng hợp với hình phạt trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp các bị cáo đã bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ không thu hồi được. Ngày 16/12/2022, gia đình bị cáo Tuấn A đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng, chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 60B8-898.61 (số khung RLHJF6307FZ171589, số máy JF63E1525698) các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Bà Triệu Thị H là mẹ của bị cáo T cho rằng bị cáo T chỉ đứng tên mua xe nhưng tiền là của bà bỏ ra mua xe, bà là chủ sở hữu xe và đưa cho T làm phương tiện đi lại, chở bà đi làm nên đề nghị nhận lại xe. Đối với bị cáo T cũng cho rằng do mẹ bị cáo không biết chạy xe nên để bị cáo đứng tên mua lại xe của Cửa hàng Xuân Phước. Hiện nay, xe mô tô nêu trên chưa được sang tên cho bà H cũng như bị cáo T.

Xét thấy, có căn cứ xác định xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 60B8-898.61 (số khung RLHJF6307FZ171589, số máy JF63E1525698) thuộc sở hữu của bà Triệu Thị

H. Bà H không biết bị cáo T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, bà H có yêu cầu nhận lại xe nên trả lại xe mô tô nêu trên cho bà H là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max và số tiền 960.000 đồng của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

Riêng 01 đĩa CD lưu giữ dữ liệu chứng cứ đã được đưa vào hồ sơ vụ án để lưu giữ.

[8] Đối với người mua điện thoại do các bị cáo trộm cắp được hiện không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiến hành xác minh điều tra, xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

#### 1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A **10 (mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2022.

Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 26/5/2021 đến ngày 03/6/2021, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Hình phạt chung của 02 (hai) bản án bị cáo Trần Tuấn A phải chấp hành là **01 (một) năm 04 (bốn)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2022, trừ đi thời hạn tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 26/5/2021 đến ngày 03/6/2021.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2023.

#### 2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

3.1. Trả lại cho bà Triệu Thị H 01 xe mô tô hiệu Honda Air Balde màu đen (đã qua sử dụng), biển số 60B8-898.61 (số khung RLHJF6307FZ171589, số máy JF63E1525698) theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen (đã qua sử dụng) và số tiền 960.000 đồng theo Biên bản về việc giao nhận

vật chứng, tài sản ngày 13/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và Giấy nộp tiền ngày 13/9/2022 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đông Đồng Nai do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc Nhà nước huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Tuấn A và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CQĐT Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Minh Hoàng**